



# eW Blast Powercore gen4

**eW Blast Powercore gen4, 3500 K, 100 – 277 VAC, 6° Native (no spread lens), Black housing**

eW Blast Powercore gen4, 3500 K, 100 – 277 VAC, 6° Native (no spread lens), Black housing

Bộ đèn LED hiệu suất cao eW Blast Powercore gen4 cung cấp lớp ánh sáng trắng cường độ cao với việc lắp đặt đơn giản. eW Blast Powercore gen4 cung cấp nhiều phụ kiện cho phép tùy chỉnh góc chùm sáng cho chiếu xa, chiếu sáng điểm, chiếu hắt tường góc rộng và chiếu hắt góc hẹp, cùng với hiệu suất và hiệu quả chi phí của công nghệ Powercore, lắp đặt trong vỏ nhôm đúc chắc chắn.

## Dữ liệu sản phẩm

| Thông tin chung                             |                                | Quang thông đầu ra không đổi   |               |
|---------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|---------------|
| Mã dòng bóng đèn                            | LED-HB [ LED High Brightness]  | Phụ kiện của PFC               | Có            |
| Màu sắc nguồn sáng                          | Trắng                          |                                | ZCP485        |
| Nguồn sáng có thể thay thế                  | Không                          | Thông số vận hành và điện      |               |
| Bộ điều khiển/bộ nguồn/biến thế             | Bộ cấp nguồn với giao diện DMX | Điện áp đầu vào                | 100 đến 277 V |
| Kiểu nắp quang học/thấu kính                | Phẳng trong suốt               | Tần số đầu vào                 | 50 đến 60 Hz  |
| Sự mở rộng chùm sáng của đèn dạng thanh đèn | 6°                             | Hệ số công suất (Danh định)    | 0.9           |
| Cấp bảo vệ IEC                              | Cấp an toàn I                  | Điều khiển và thay đổi độ sáng |               |
| Dấu CE                                      | Ký hiệu UL và cUL              | Có thể điều chỉnh độ sáng      | Có            |
| Dấu UL                                      |                                | Cơ khí và bộ vỏ                |               |
| Tuổi thọ đến 50% quang thông                | 100000 h                       | Vật liệu vỏ đèn                | Nhôm đúc      |
| Tuổi thọ đến 70% quang thông                | 84000 h                        | Vật liệu chóa quang học        | Kính          |
| Tuổi thọ đến 90% quang thông                | 28000 h                        |                                |               |
| Loại chóa quang học ngoài trời              | Góc chiếu hẹp 6°               |                                |               |

eW Blast Powercore gen4

|                                        |                |
|----------------------------------------|----------------|
| Vật liệu nắp quang học/thấu kính       | Kính cường lực |
| Thiết bị lắp đặt                       | Bản đế         |
| Hình dạng nắp quang học/thấu kính      | Đẹt            |
| Lớp hoàn thiện nắp quang học/thấu kính | Trong suốt     |
| Màu sắc                                | Đen            |

Phê duyệt và Ứng dụng

|                                |                                            |
|--------------------------------|--------------------------------------------|
| Mã bảo vệ chống xâm nhập       | IP66 [ Chống bụi xâm nhập, chống tia nước] |
| Cấp hiệu quả năng lượng        | G                                          |
| Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học | IK10 [ 20 J chống phá hoại]                |
| Độ rung tiêu chuẩn             | Complies with ANSI C136.31, 3G             |
| Cấp chống rung                 | Complies with ANSI C136.31, 3G             |
| Số đăng ký EPREL               | 915348                                     |

Hiệu năng ban đầu (tuân thủ IEC)

|                                 |        |
|---------------------------------|--------|
| Nhiệt độ màu tương quan ban đầu | 3500 K |
| Công suất đầu vào ban đầu       | 50 W   |

Vận hành ngoài giờ (tuân thủ IEC)

|                                                       |        |
|-------------------------------------------------------|--------|
| Hệ số duy trì quang thông 50% tại 25°C theo tính toán | 100000 |
| Hệ số duy trì quang thông 50% tại 25°C theo báo cáo   | 51000  |
| Hệ số duy trì quang thông 50% tại 50°C theo tính toán | 100000 |
| Hệ số duy trì quang thông 50% tại 50°C theo báo cáo   | 51000  |
| Hệ số duy trì quang thông 70% tại 25°C theo tính toán | 84000  |
| Hệ số duy trì quang thông 70% tại 25°C theo báo cáo   | 51000  |
| Hệ số duy trì quang thông 70% tại 50°C theo tính toán | 83000  |

|                                                       |       |
|-------------------------------------------------------|-------|
| Hệ số duy trì quang thông 70% tại 50°C theo báo cáo   | 51000 |
| Hệ số duy trì quang thông 90% tại 25°C theo tính toán | 28000 |
| Hệ số duy trì quang thông 90% tại 25°C theo báo cáo   | 28000 |
| Hệ số duy trì quang thông 90% tại 50°C theo tính toán | 27000 |
| Hệ số duy trì quang thông 90% tại 50°C theo báo cáo   | 28000 |

Điều kiện ứng dụng

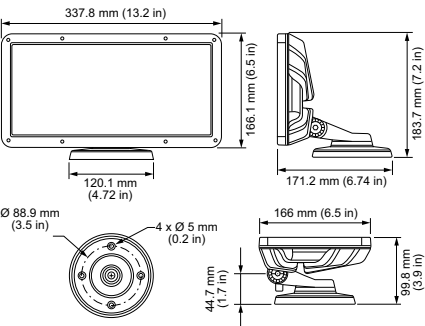
|                              |               |
|------------------------------|---------------|
| Nhiệt độ môi trường cho phép | -40 đến +50°C |
|------------------------------|---------------|

Thông số sản phẩm

|                                    |                                                                                           |
|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã sản phẩm đầy đủ                 | 871829139515799                                                                           |
| Tên sản phẩm khác                  | BCP481 36xLED-HB/3500K 100-277V BK                                                        |
| EAN/UPC - Sản phẩm                 | 8718291395157                                                                             |
| Mã đơn hàng                        | 523-000100-31                                                                             |
| Phần tử - Số lượng trên một bộ     | 1                                                                                         |
| Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài | 2                                                                                         |
| Số vật liệu (12 chữ số)            | 912400135504                                                                              |
| Sao chép Trọng lượng tịnh (Bộ)     | 4,146 kg                                                                                  |
| Số catalog                         | 523-000100-31                                                                             |
| Mô tả số catalog                   | eW Blast Powercore gen4, 3500 K, 100 – 277 VAC, 6" Native (no spread lens), Black housing |



Bản vẽ kích thước



BCP481 36xLED-HB/3500K 100-277V BK

## eW Blast Powercore gen4

